



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - KHÓA 43
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**

**NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

**DLU DALAT
UNIVERSITY**

Địa chỉ: 01 Phù Đồng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: (+84)633822246
Fax: (+84)633823380
Email: info@dlu.edu.vn
Website: www.dlu.edu.vn

Lâm Đồng – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)
NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)

Lâm Đồng - 2019

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không gian yên tĩnh trong khuôn viên 40 ha của trường là môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm 2015, tất cả chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và đại học đã được xây dựng theo chuẩn đầu ra CDIO với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Thực hiện chủ trương quốc tế hóa, giảng dạy bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài, đổi mới phương pháp giảng dạy trong đó chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ, Nhà trường ưu tiên xét tuyển các thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Tháng 3 năm 2017, Trường Đại học Đà Lạt đã chính thức trở thành thành viên thứ 124 của Hiệp hội CDIO quốc tế và là Trường Đại học thứ 4 của Việt Nam được gia nhập tổ chức này. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong sáu tạp chí khoa học của Việt Nam được chỉ mục trong Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á – ACI. Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học công lập của Việt Nam được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số: 34/QĐ-TTKĐ của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tháng 4/2020, Trường Đại học Đà Lạt chính thức trở thành thành viên liên kết của AUN-QA. Trường Đại học Đà Lạt là thành viên của Nhà Xã hội trí tuệ nhân tạo (AIWS House). Là cơ sở để triển khai đào tạo về Big Data và trí tuệ nhân tạo.

Thành quả lao động của tập thể các nhà khoa học là Bộ chương trình đào tạo 33 chuyên ngành được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐH ngày .../.../20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt. Toàn bộ chương trình đào tạo được Trường công khai để tạo điều kiện cho người học chủ động lên kế hoạch học tập và tự học.

Sự đổi mới toàn diện về hệ thống chương trình đào tạo sẽ là cơ sở để Trường đổi mới toàn diện hệ thống giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những “sản phẩm trí tuệ” chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước, xứng đáng là Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Số:/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày ... tháng ... năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ
áp dụng chuẩn đầu ra CDIO

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Luật bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 33 ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ áp dụng chuẩn đầu ra CDIO gồm **33** ngành đào tạo (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Giao cho Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa xây dựng Kế hoạch giảng dạy hằng năm căn cứ vào Bộ chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 43.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để chỉ đạo*);
- Khoa (*để thực hiện*);
- VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH 33 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
 ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHDL ngày .../.../2019)

TT	Ký hiệu Trường	Ngành tuyển sinh/ Website	Mã ngành
1	TDL	Toán học	7460101
2	TDL	Sư phạm Toán học	7140209
3	TDL	Sư phạm Tin học	7140210
4	TDL	Giáo dục tiểu học	7140202
5	TDL	Công nghệ Thông tin	7480201
6	TDL	Vật lý học	7440102
7	TDL	Sư phạm Vật lý	7140211
8	TDL	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
9	TDL	Kỹ thuật hạt nhân	7520402
10	TDL	Hóa học	7440112
11	TDL	Sư phạm Hóa học	7140212
12	TDL	Sinh học	7420101
13	TDL	Sư phạm Sinh học	7140213
14	TDL	Khoa học Môi trường	7440301
15	TDL	Nông học	7620109
16	TDL	Công nghệ Sinh học	7420201
17	TDL	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104
18	TDL	Quản trị Kinh doanh	7340101
19	TDL	Kế toán	7340301
20	TDL	Luật	7380101
21	TDL	Xã hội học	7310301
22	TDL	Văn hoá học	7229040
23	TDL	Văn học	7229030
24	TDL	Sư phạm Ngữ văn	7140217
25	TDL	Lịch sử	7229010
26	TDL	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	TDL	Việt Nam học	7310630
28	TDL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
29	TDL	Công tác xã hội	7760101
30	TDL	Đông phương học	7310608
31	TDL	Quốc tế học	7310601
32	TDL	Ngôn ngữ Anh	7220201
33	TDL	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	2
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	3
3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	3
4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC.....	3
5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	6
6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3.....	8
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	26
10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	30

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

Ngành đào tạo: QUỐC TẾ HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành đào tạo: 7310601

Thời gian đào tạo: 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quốc tế học là đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng, có kiến thức và kỹ năng căn bản cũng như chuyên sâu về nghiên cứu quốc tế/quan hệ quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, vừa có kiến thức chuyên sâu về ngành Quốc tế học. Với kiến thức đa ngành và liên ngành, sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng hoặc tiếp tục theo học ở các bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ Quan hệ quốc tế... ở các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành **Quốc tế học** có thể:

- **M01:** Có phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường tư tưởng vững vàng, có kiến thức và kỹ năng căn bản cũng như chuyên sâu về nghiên cứu quốc tế/quan hệ quốc tế.
- **M02:** Có kiến thức đại cương về các ngành khoa học xã hội và nhân văn, vừa có kiến thức chuyên sâu về ngành Quốc tế học.
- **M03:** Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản như: Lý luận và Lịch sử Quan hệ quốc tế, khu vực học, kinh tế quốc tế, luật pháp quốc tế và nhiều kỹ năng như nghiệp vụ văn phòng đối ngoại, báo chí truyền thông, quản trị văn phòng... để áp

dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp theo định hướng chuyên ngành chính là Quan hệ quốc tế.

- **M04:** Trang bị kỹ năng làm việc tập thể, quản lí thời gian, kỹ năng diễn giảng, thuyết trình, thuyết phục người khác...

- **M05:** Cung cấp kiến thức đa ngành và liên ngành để khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng như nhà báo, nhân viên hay cán bộ ngoại giao, quản lý và điều phối, giảng dạy, chuyên viên nghiên cứu, hay làm việc trong các tổ chức phi chính phủ cũng như các cơ quan đảng, nhà nước, chính quyền địa phương, mặt trận và các tổ chức quần chúng khác.

- **M06:** Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học ở các bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ Quan hệ quốc tế, thạc sĩ Khu vực học tại các cơ sở đào tạo khác trong nước hoặc ngoài nước.

1.3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng như nhà báo, nhân viên hay cán bộ ngoại giao, quản lý và điều phối, giảng dạy, chuyên viên nghiên cứu, hay làm việc trong các tổ chức phi chính phủ cũng như các cơ quan đảng, nhà nước, chính quyền địa phương, mặt trận và các tổ chức quần chúng khác.

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Đà Lạt.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014.

4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC

Chuẩn đầu ra là những năng lực mà người học cần hình thành được sau khi tốt nghiệp. Chúng là những hành vi hoặc khả năng thực hiện những nhiệm vụ mà công việc hoặc nghề nghiệp yêu cầu, những hành vi hoặc khả năng này phải quan sát được, đo lường được vì chúng là kết quả của sự lựa chọn và áp dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quốc tế học bao gồm 13 chuẩn đầu ra trong đó 05 chuẩn đầu ra đầu tiên ứng với giai đoạn giáo dục đại cương và 08 chuẩn đầu ra còn lại ứng với giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành **Quốc tế học** sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Chuẩn đầu ra giáo dục đại cương

• C01: Chuẩn đầu ra thứ nhất.

Có phẩm chất đạo đức cá nhân và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, sẵn sàng hòa nhập với xã hội và đáp ứng môi trường công việc sau khi tốt nghiệp; nắm vững quan điểm, chủ trương và đường lối đối ngoại của đảng và Nhà nước Việt Nam.

• C02: Chuẩn đầu ra thứ hai.

Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn và các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

• C03: Chuẩn đầu ra thứ ba.

Có kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm hoặc làm việc tập thể; biết cách giao tiếp liên cá nhân trực tiếp, xử lý các mối quan hệ trong một nhóm hoặc nhiều nhóm cộng tác công việc; biết cách thuyết trình trước nhiều người.

• C04: Chuẩn đầu ra thứ tư.

Có khả năng giao tiếp sử dụng, ứng dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

• C05: Chuẩn đầu ra thứ năm.

Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm chuyên dụng trong công việc giao tiếp, tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, tính toán, trình bày và hỗ trợ chuyên môn.

4.2. Chuẩn đầu ra giáo dục chuyên nghiệp

• C06: Chuẩn đầu ra thứ sáu.

Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội văn hóa, khoa học công nghệ; có kiến thức đại cương về lịch sử thế giới và Việt Nam; Nắm vững những kiến thức cơ sở về kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp luật; có kiến thức về môi trường tự nhiên và xã hội.

• C07: Chuẩn đầu ra thứ bảy.

Hiểu biết những kiến thức trong các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế và khu vực: Nắm vững các lí thuyết chuyên môn về quan hệ quốc tế, khu vực học; có kiến thức nâng cao về các vấn đề kinh tế, chính trị, pháp luật quốc tế; có kiến thức cơ sở về các nghiệp vụ quản trị và giao tiếp đối ngoại.

• **C08: Chuẩn đầu ra thứ tám.**

Có kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy và nghiên cứu quốc tế học: nắm vững các phương pháp nghiên cứu quốc tế; biết đánh giá và phân tích vấn đề trên bình diện lý luận quốc tế học cơ bản.

• **C09: Chuẩn đầu ra thứ chín.**

Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề: có khả năng phát hiện các vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu Quốc tế học.

• **C10: Chuẩn đầu ra thứ mười.**

Có kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: có khả năng xây dựng các giải pháp đồng thời có khả năng suy luận và giải thích hợp lí các vấn đề nghiên cứu từ góc độ Quốc tế học và các khoa học liên ngành. Nắm vững phương pháp giảng dạy và thuyết trình các vấn đề khoa học.

• **C11: Chuẩn đầu ra thứ mười một.**

Có ý thức trách nhiệm công dân Việt Nam, có ý thức đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Công bằng, trung thực và trách nhiệm. Hiểu và ứng xử đúng mực, hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam và các nước khác trên thế giới.

• **C12: Chuẩn đầu ra thứ mười hai.**

Có khả năng giải quyết công việc khoa học, biết phân tích và giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo.

• **C13: Chuẩn đầu ra thứ mười ba.**

Cử nhân ngành **Quốc tế học** tốt nghiệp loại giỏi có thể học tiếp các chương trình sau đại học theo chuyên ngành đào tạo hoặc một số ngành kế cận tại Việt Nam cũng như nước ngoài.

5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu đào tạo					
		GD đại cương		GD chuyên nghiệp			
		1	2	3	4	5	6
Chuẩn đầu ra GD đại cương							
1	Có phẩm chất đạo đức cá nhân và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, sẵn sàng hòa nhập với xã hội và đáp ứng môi trường công việc sau khi tốt nghiệp; nắm vững quan điểm, chủ trương và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.	x		x		x	x
2	Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn và các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.		x	x		x	
3	Có kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm hoặc làm việc tập thể; biết cách giao tiếp liên cá nhân trực tiếp, xử lý các mối quan hệ trong một nhóm hoặc nhiều nhóm cộng tác công việc; biết cách thuyết trình trước nhiều người.			x	x	x	
4	Có khả năng giao tiếp sử dụng, ứng dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học.		x	x		x	x
5	Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm chuyên dụng trong công việc giao tiếp, tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, tính toán, trình bày và hỗ trợ chuyên môn.			x		x	
Chuẩn đầu ra GD chuyên nghiệp							
6	Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội văn hóa, khoa học công nghệ; có kiến thức đại cương về lịch sử thế giới và Việt Nam; Nắm vững những kiến thức cơ sở về kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp luật; có kiến thức về môi trường tự nhiên	x	x	x		x	

	và xã hội.						
7	Hiểu biết những kiến thức trong các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế và khu vực: nắm vững các lí thuyết chuyên môn về quan hệ quốc tế, khu vực học; có kiến thức nâng cao về các vấn đề kinh tế, chính trị, pháp luật quốc tế; có kiến thức cơ sở về các nghiệp vụ quản trị và giao tiếp đối ngoại.			X	X	X	
8	Có kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy và nghiên cứu quốc tế học: nắm vững các phương pháp nghiên cứu quốc tế; Biết đánh giá và phân tích vấn đề trên bình diện lý luận quốc tế học cơ bản.			X		X	
9	Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề: có khả năng phát hiện các vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu Quốc tế học.	X	X	X		X	
10	Có kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: có khả năng xây dựng các giải pháp và khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn, đồng thời có khả năng suy luận và giải thích hợp lí các vấn đề nghiên cứu từ góc độ Quốc tế học và các khoa học liên ngành. Nắm vững phương pháp giảng dạy và thuyết trình các vấn đề khoa học.		X	X	X	X	X
11	Có ý thức trách nhiệm công dân Việt Nam, có ý thức đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Công bằng, trung thực và trách nhiệm. Hiểu và ứng xử đúng mực, hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam và các nước khác trên thế giới.	X	X			X	
12	Có khả năng giải quyết công việc khoa học, biết phân tích và giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo.					X	X

13	Cử nhân ngành Quốc tế học tốt nghiệp loại giỏi có thể học tiếp các chương trình sau đại học theo chuyên ngành đào tạo hoặc một số ngành kế cận tại Việt Nam cũng như nước ngoài.					X	X
----	--	--	--	--	--	---	---

6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành **Quốc tế học** được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp.
- Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghiệp hoặc Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn mang lại lợi ích cho xã hội.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành **Quốc tế học** sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1. Hiểu và phân biệt được chủ nghĩa duy vật, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từng bước giúp xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo; Hiểu và áp dụng cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu và thấm nhuần nền tảng tư tưởng của Đảng; từ đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

1.1.2. Hiểu những nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Biết nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội hiện thực. Hiểu những cơ sở kinh tế của xã hội Tư bản và thấy được bản chất bóc lột của nó đối với quần chúng nhân dân lao động nói chung, giai cấp công nhân nói riêng; nhận thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay; xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể hiểu được nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

1.1.3. Biết những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; hiểu và nhận thức rõ vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong cách mạng Việt Nam. Từ đó nâng cao lập trường quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ động đấu tranh chống những quan điểm sai trái bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Biết vận dụng vào cuộc sống, học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp tích cực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

1.1.4. Hiểu những kiến thức cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, hiểu và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

1.1.5. Nắm vững những kiến thức và kỹ năng cơ bản về điền kinh, một số kỹ thuật về điền kinh. Người học có thể áp dụng các bài tập để phát triển sức khỏe thể chất và nâng cao năng lực vận động của bản thân ở tất cả các mặt gồm sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và mềm dẻo.

1.1.6. Nắm vững những kiến thức và kỹ năng cơ bản và kỹ năng về cầu lông; bóng bàn; bóng đá; bóng ném. Nắm rõ những điều luật thi đấu phương pháp tổ chức giải và làm trọng tài môn cầu lông; bóng bàn; bóng đá; bóng ném. Người học có thể áp dụng các bài tập để phát triển sức khỏe thể chất và nâng cao năng lực vận động của bản thân ở tất cả các mặt gồm sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và mềm dẻo.

1.1.7. Nắm vững những kiến thức và kỹ năng cơ bản và kỹ năng về bóng chuyền, các kỹ thuật cơ bản như chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, đập bóng và chắn bóng; các chiến thuật tấn công và phòng thủ cơ bản. Nắm rõ những điều luật thi đấu phương pháp tổ chức giải và làm trọng tài môn bóng chuyền. Người học có thể áp dụng các bài tập để phát triển sức khỏe thể chất và nâng cao năng lực vận động của bản thân ở tất cả các mặt gồm sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và mềm dẻo.

1.1.8. Biết những kiến thức cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ, nắm được những vấn đề cơ bản học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân

dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

1.1.9. Biết những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu. Có một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK, và một số động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh, các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự.

1.1.10. Hiểu những kiến thức cơ bản nhiệm vụ công tác Quốc phòng-An ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Biết một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

1.1.11. Nắm vững những kiến thức khái quát về nguồn gốc ra đời của nhà nước, nguồn gốc ra đời của pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Biết những quy định cơ bản về các ngành luật của Việt Nam như Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính và tố tụng hành chính, Luật hôn nhân và gia đình, Luật thương mại, Luật lao động...

1.1.12. Nắm vững các thông tin và kiến thức về mối quan hệ giữa môi trường và sự phát triển. Có kỹ năng giới thiệu và phân tích các vấn đề môi trường đang diễn ra hiện nay, các thành phần và “dịch vụ” mà môi trường cung cấp cho sự phát triển. Nắm được một số định hướng, công cụ và chính sách đang được triển khai trên thế giới và Việt Nam nhằm hạn chế phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên hướng tới phát triển bền vững.

1.1.13. Biết những kiến thức cơ bản về những cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh lớn trên thế giới. Qua đó, sinh viên sẽ nắm bắt được những quy luật phát triển của văn minh nhân loại. Có kỹ năng nhận thức đúng và đánh giá khách quan về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại;

1.1.14. Nắm bắt được quy luật phát triển của lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc, rút ra những bài học cần thiết, có giá trị thực tiễn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay và tương lai.

1.1.15. Nắm vững các khái niệm cơ bản của kinh tế học vi mô và vĩ mô, hiểu được những quy luật cơ bản của kinh tế thị trường, hiểu và phân biệt được đặc điểm

của các cấu trúc thị trường và hành vi của các doanh nghiệp trong từng cấu trúc thị trường. Hiểu được tác động của các chính sách của chính phủ đến thị trường, đến nền kinh tế. Biết cách sử dụng các công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (hàm số, đồ thị). Vận dụng cơ sở lý thuyết kinh tế học để phân tích và giải thích các hiện tượng kinh tế, các chính sách kinh tế trong thực tế. Tự nghiên cứu tài liệu có liên quan về kinh tế trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản của kinh tế học.

1.1.16. Hiểu một cách khái quát về khoa học xã hội học đồng thời giúp định hình tư duy hay góc nhìn xã hội học (trí tưởng tượng xã hội học) về các vấn đề xã hội và hành vi con người. Hiểu được các khái niệm cơ bản như: cơ cấu xã hội, bất bình đẳng và phân tầng xã hội, thiết chế xã hội, văn hóa, xã hội hóa, hành động xã hội, tương tác xã hội, kiểm soát và lệch chuẩn xã hội, biến đổi xã hội và hiện đại hóa. Trên cơ sở đó có thể vận dụng ba tư duy cơ bản trong xã hội học là chức năng luận, xung đột, tương tác luận để phân tích và lí giải những hiện tượng, vấn đề xã hội và hành vi con người.

1.1.17. Nắm được bản chất, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống công việc hành chính trong đơn vị; hiểu rõ về hệ thống văn bản và có khả năng soạn thảo các văn bản thông dụng của đơn vị trong hoạt động hàng ngày; hiểu rõ những khó khăn trở ngại và cách thức để thiết kế, cải tiến các và chính, kiểm soát hiệu quả công việc hành chính của tổ chức. Có khả năng phát triển các kỹ năng trong việc hoạch định và tổ chức, điều hành một sự kiện tại đơn vị. Có khả năng tổ chức và quản lý hồ sơ công việc một cách khoa học. Hình thành kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình, tạo tiền đề để người học có khả năng tiếp tục tự nghiên cứu hoặc phát triển các kỹ năng về tổ chức khoa học thực hiện công việc.

1.1.18. Biết những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hóa, về vai trò của văn hóa trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như sự phát triển của quốc gia. Có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc. Đồng thời, làm rõ mối quan hệ giữa các thành tố cũng như quy luật, xu thế phát triển văn hóa Việt Nam truyền thống và hiện đại.

1.1.19. Hiểu một cách khái quát về đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, phát triển, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lí học; Bản chất, cơ sở hình thành, các giai đoạn phát triển của hiện tượng tâm lí người. Biết phân tích các hiện tượng tâm lí cụ thể và những ứng dụng của chúng trong hoạt động thực tiễn. Từ đó, người học học có thể hiểu và phân tích khái niệm, bản chất, cấu trúc, sự hình thành và phát triển nhân cách.

1.1.20. Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về ngành Nhân học: lịch sử hình thành và phát triển, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các trường phái và khuynh hướng lý thuyết chính, các lĩnh vực nghiên cứu, mối quan hệ giữa Nhân học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn, vai trò của tri thức Nhân học đối với khoa học và cuộc sống. Có kỹ năng thu thập tư liệu thư tịch kết hợp khảo sát điền dã ở một số vấn đề cơ bản của kinh tế, văn hóa, xã hội loài người từ quá khứ đến hiện tại, ở các cộng đồng nguyên thủy cho đến các xã hội hiện đại qua lăng kính nhân học.

1.1.21. Nắm các kiến thức cơ bản nhất của thống kê, có khả năng sử dụng một phần mềm chuyên dụng để phân tích số liệu thống kê.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1. Biết các kỹ năng nghe nói thông qua các bài tập nghe nói có nội dung liên quan đến các vấn đề thời sự, xã hội, học thuật, cuộc sống hàng ngày. Các bài học được thiết kế theo chủ đề: trường lớp, dinh dưỡng, nhà hoặc nơi trọ, văn hóa, sức khỏe, thể thao...

1.2.2. Nhận biết, hiểu rõ và sử dụng được các kỹ năng đọc hiểu cơ bản trong tiếng Anh. Nắm bắt được các từ vựng có tần suất sử dụng cao trong tiếng Anh và làm quen với các chủ đề quen thuộc, nhận biết, hiểu rõ được các dạng câu trong tiếng Anh.

1.2.3. Áp dụng những kỹ năng nghe nói cơ bản trong giao tiếp về các chủ điểm thực tế trong cuộc sống. Có kỹ năng thuyết trình, sử dụng ngôn ngữ, kỹ thuật thuyết trình phù hợp, có hiệu quả.

1.2.4. Hiểu biết sơ lược về cách giải nghĩa, tóm tắt. Có kiến thức về các đoạn văn cơ bản, hiểu cấu trúc một đoạn văn và cách viết dàn ý một đoạn văn. Có khả năng đọc dựa trên các kỹ năng cơ bản như skimming và scanning, đoán từ vựng từ ngữ cảnh, liên hệ thực tế để nhận xét, đánh giá quan điểm trong bài đọc...

1.2.5. Nắm bắt, phát triển và ứng dụng kỹ năng nghe hiểu ý chính, thái độ, nghe hiểu thông tin chi tiết, nghe hiểu và suy luận thông tin ở trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 của Việt Nam. Nói về các chủ đề quen thuộc như kế hoạch tương lai, các sự kiện quan trọng trong cuộc đời, mua sắm, giáo dục, môi trường... một cách trôi chảy và tự tin.

1.2.6. Có khả năng đọc hiểu tương đương trình độ bậc 4 (B2 chuẩn Châu Âu). Sử dụng năng lực tiếng Anh để viết các bài tổng hợp, phân tích, báo cáo, tóm tắt thông tin từ các văn bản đọc được. Sử dụng tốt các kỹ năng viết tiếng Anh để viết các bài bình luận, tóm tắt, phân tích, giới thiệu sản phẩm hoặc trình bày quan điểm cá nhân dựa trên các thông tin thu thập được.

1.2.7. Hiểu được một số lý thuyết dịch thuật cần thiết cho việc thực hành dịch ở mức độ căn bản như xử lý từ vựng, cấu trúc đặc thù, mô hình dịch thuật tổng quát và nhận biết một số lỗi thông thường trong dịch thuật.

1.2.8. Hiểu được các bước căn bản dịch câu đơn và câu phức. Xử lý được các vấn đề thông thường trong quá trình dịch thuật (cá nhân và nhóm) như phát hiện và sửa lỗi, cũng như phương pháp tổng quan về dịch.

1.2.9. Có khả năng hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh mức độ tiên trung cấp thuộc chuyên ngành Quốc Tế học, từ đó bắt đầu hình thành ở sinh viên kỹ năng diễn đạt thông qua khẩu ngữ và bút ngữ bằng tiếng Anh đối với các đề tài thuộc chuyên ngành.

1.2.10. Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh, từ đó hình thành ở sinh viên kỹ năng diễn đạt thông qua khẩu ngữ và bút ngữ bằng tiếng Anh thuộc chuyên ngành Quốc Tế học ở trình độ trung cấp. Nắm cơ bản các kiến thức về văn hoá xã hội và các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp... nhằm giúp người học hiểu biết hơn nữa về đất nước, con người nước Anh, Mỹ cũng như các nước khác trên thế giới để phục vụ cho việc tìm tòi học hỏi chuyên ngành Quốc Tế học. Có kỹ năng nghe và thảo luận những vấn đề chuyên ngành bằng tiếng Anh và cơ bản có thể viết được đoạn văn bằng tiếng Anh về những chủ đề chuyên ngành.

1.3. Kiến thức ngành

Phần kiến thức bắt buộc

1.3.1. Hiểu những kiến thức chủ yếu về lịch sử quan hệ quốc tế từ Cổ đại đến nay, bao gồm cả những xung đột và quá trình hợp tác giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế. Các chuỗi sự kiện được tổ chức trình tự theo thời gian và theo bản chất; tuy nhiên, không đơn thuần liệt kê sự kiện, mà môn học còn bước đầu giới thiệu cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong quan hệ quốc tế.

1.3.2. Biết những kiến thức về một bức tranh khái quát, cập nhật về những thể chế đa phương toàn cầu lớn nhất hiện nay, đó là hệ thống Liên hiệp quốc và các tổ chức liên quan, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức kinh tế quan trọng trên thế giới. Ngoài ra học phần cũng nêu lên mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và một số tổ chức trong hơn 30 năm qua cũng như phân tích các vấn đề toàn cầu nóng bỏng đang đặt ra những thách thức to lớn cho toàn thể nhân loại.

1.3.3. Nắm vững những kiến thức cơ bản về chính trị học nói chung, thể chế chính trị nói riêng; các hình thức và phương thức tổ chức chính trị của các nước trên thế giới; một số mô hình, mô thức tổ chức chính trị cơ bản hiện nay trên thế giới; một

số vấn đề về quá trình hình thành, bản chất và cấu trúc của các loại hình thể chế chính trị khác nhau trên thế giới hiện nay.

1.3.4. Nắm vững kiến thức về chính sách và hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ thời phong kiến đến hiện nay. Nắm vững và biết vận dụng những kiến thức lịch sử ngoại giao và phương pháp nghiên cứu lịch sử, quan hệ quốc tế để nhận diện, phân tích, đánh giá một vấn đề về quan hệ đối ngoại Việt Nam trong lịch sử cũng như đương đại.

1.3.5. Hiểu một cách hệ thống những vấn đề lý thuyết và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ ngoại giao xuất phát từ thực tiễn hoạt động ngoại giao hiện đại của Việt Nam trong gần 60 năm qua và theo quy định, thông lệ quốc tế được đa số nước tuân thủ.

1.3.6. Nắm được những kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam. Nắm vững và biết đánh giá hiện trạng cũng như triển vọng các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam để ứng dụng vào công việc hoặc phục vụ nghiên cứu, học tập nâng cao.

1.3.7. Nắm vững kiến thức khái quát về Hệ thống những luận điểm và khái niệm cơ bản mang tính lý thuyết phục vụ nghiên cứu quan hệ quốc tế. Đồng thời môn học cũng giới thiệu một số góc nhìn (trường phái) mang tính kinh điển trong lịch sử môn học. Môn học sẽ giúp sinh viên có cái nhìn hệ thống hơn những kiến thức về quan hệ quốc tế, qua đó có thể tự đưa ra nhận định bản thân trong nghiên cứu và dự báo về thực tiễn quan hệ quốc tế.

1.3.8. Có những kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp, nâng cao tác phong làm việc tập thể, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp trong công việc. Nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nghiêm túc.

Phần kiến thức tự chọn

1.3.9. Áp dụng những kiến thức về các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu quốc tế, cách thức thực hiện đề cương nghiên cứu, tiểu luận, đề tài nghiên cứu. Hướng dẫn chi tiết cách tiến hành một đề tài nghiên cứu (tiểu luận).

1.3.10. Biết kiến thức cơ bản về Báo chí và truyền thông. Có thể độc lập viết tin bài, làm hoặc cộng tác với các tòa soạn báo. Tạo cho sinh viên có nhận thức đúng và đánh giá khách quan về thể chế chính trị một số nước trên thế giới.

1.3.11. Hiểu kiến thức khái quát về đặc điểm tự nhiên và xã hội của các nền kinh tế lớn trên thế giới, đồng thời đánh giá tác động của các yếu tố trên đến sự phát

triển kinh tế của từng quốc gia cụ thể. Ngoài ra, học phần cũng phân tích tác động của các yếu tố địa lý tới hành vi của các quốc gia và quan hệ quốc tế bằng việc xem xét các yếu tố như vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, dân số hay địa hình tác động như thế nào đến chính sách đối ngoại của một quốc gia và vị thế của quốc gia đó trong hệ thống quốc tế.

1.3.12. Nắm vững các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Quan hệ công chúng (PR) như: các lý thuyết cơ bản về PR, nguồn gốc hình thành và sự phát triển của PR trên thế giới và tại Việt Nam hiện nay, cách phân biệt PR với một số hình thức truyền thông khác; các vấn đề đạo đức cơ bản của PR; công tác quản lý PR, các ứng dụng của PR trong thực tế như PR trong chính quyền, trong doanh nghiệp, trong các tổ chức phi chính phủ. Học phần cũng cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên trong công tác PR sau này như cách phát triển duy trì quan hệ với báo chí, kỹ năng quan hệ cộng đồng, vận động hành lang, cách thuyết trình, cách đàm phán, trả lời phỏng vấn, cách quản lý thông tin nội bộ và thông tin đối ngoại...

1.4. Kiến thức bổ trợ

Phân kiến thức tự chọn

1.4.1. Ứng dụng những phương pháp thu thập, xử lý số liệu để nghiên cứu một đề tài chuyên môn hoặc liên ngành nhằm nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học.

1.4.2. Biết kiến thức cơ bản về những vấn đề toàn cầu như năng lượng, dân số, đói nghèo, vũ khí hủy diệt hàng loạt, tội phạm quốc tế và môi trường; thực trạng của các vấn đề này ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; tác động của các vấn đề trong quan hệ quốc tế cũng như quá trình hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề đó.

1.4.3. Hiểu những thay đổi cơ bản về cấu trúc và nội dung của quan hệ quốc tế ở Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt sau thời kỳ Chiến Tranh lạnh. Qua đó, môn học giúp học viên hiểu được những cơ hội và thách thức của các quốc gia trong trật tự mới của khu vực. Trên cơ sở đó, học viên có được nhận thức đầy đủ hơn về những thay đổi đang diễn ra và những biến động trong tương lai.

1.4.4. Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và tổng hợp, vừa có tính lý luận vừa mang tính nghiệp vụ trong giao tiếp với các đối tác nước ngoài.

1.4.5. Hiểu được những quy luật cơ bản và xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới, nắm vững lý thuyết thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế. Trình bày được các hình thức, lợi ích của việc liên kết kinh tế trên bình diện quốc tế và tác động của sự di chuyển nguồn lực quốc tế với nước đầu tư và tiếp nhận đầu tư.

1.4.6. Biết những vấn đề về luật pháp có liên quan đến pháp luật kinh tế, chính sách về thương mại của các quốc gia và các thương nhân trong bối cảnh hiện nay. Sinh viên sẽ nắm vững, hiểu rõ các quy định của luật kinh tế quốc tế, bao gồm các quy định điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các quan hệ diễn ra chủ yếu giữa các thương nhân; Soạn thảo, tư vấn đơn giản về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cho các doanh nghiệp.

1.4.7. Nhận diện những tương đồng và dị biệt giữa văn hóa phương Đông và phương Tây; có khả năng thuyết trình; hiểu biết chung về tiếp xúc văn hóa, mục đích quan trọng của học phần là hình thành cho sinh viên ý thức học tập, phấn đấu theo tinh thần chăm chỉ, kỷ luật cao, sự sáng tạo... của thế giới để sau khi ra trường sinh viên có thể nhanh chóng hội nhập với môi trường làm việc, học tập được những kinh nghiệm quý báu của thế giới để phát triển đất nước.

1.4.8. Hiểu biết khái quát về Hoa Kỳ học: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, mối quan hệ với ngành khoa học khác, tiến trình lịch sử, sự quan tâm, nghiên cứu của người nước ngoài về Hoa Kỳ và một số gợi ý về phương pháp học tập, nghiên cứu Hoa Kỳ học.

1.4.9. Nắm vững những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Liên minh châu Âu. Từ những ý tưởng ban đầu, sự ra đời của các tổ chức tiền thân sau Thế chiến II, sự chuyển đổi từ Cộng đồng châu Âu sang một thể chế hiện đại và đầy quyền lực - Liên minh kinh tế, chính trị, đến nay EU đã khẳng định vị thế của mình với tư cách là một chủ thể đặc biệt.

1.4.10. Biết những kiến thức về quan hệ hợp tác, liên kết Đông Nam Á trong ASEAN, đặc biệt là sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh.

1.4.11. Nắm vững những kiến thức về lý luận và thực tiễn trong quan hệ Việt Nam - Đông Bắc Á, từ đó sinh viên biết vận dụng để nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ này trên tất cả các lĩnh vực hợp tác cũng như vận dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp.

1.4.12. Nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng giao tiếp và ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay.

1.4.13. Nắm vững những đặc điểm cơ bản của văn bản hành chính: tính chính xác, tính khuôn mẫu, tính công vụ... nhận thức được tầm quan trọng của thông tin văn bản với ý nghĩa là nguồn thông tin cơ bản, quan trọng và có độ tin cậy cao nhất, được khai thác và sử dụng thường xuyên trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức.

Môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình và nguyên tắc trong soạn thảo văn bản hành chính.

1.4.14. Hiểu các khái niệm về tôn giáo, nguồn gốc ra đời, bản chất của tôn giáo, vai trò - tính chất - chức năng của tôn giáo... phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng. Tiếp đó, học phần sẽ giới thiệu về các tôn giáo trên Thế giới như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Hindu giáo, Đạo Jain, Bái hỏa giáo, Đạo Sikh... Ở mỗi tôn giáo, sẽ giới thiệu về lịch sử hình thành và quá trình phát triển, về người sáng lập, kinh thánh, đặc điểm, giáo lý, giáo luật...

1.4.15. Nắm vững những kiến thức cơ bản:

- + Các hình thức tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận);
- + Các quy luật tư duy (quy luật đồng nhất, quy luật không mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ);
- + Các phương pháp (chứng minh, bác bỏ, xây dựng và phát triển giả thuyết khoa học).

1.4.16. Hiểu và nắm vững các thuật ngữ trong tiếng Anh giao tiếp và trong văn bản tiếng Anh đối với nghiệp vụ văn phòng. Một số tình huống giao tiếp tại văn phòng sẽ được thực hành và rèn luyện, đồng thời sinh viên được thực hiện các văn bản cơ bản trong văn phòng bằng tiếng Anh.

1.4.17. Có kỹ năng thiết lập bài thuyết trình bằng tiếng Anh. Người dạy sẽ hướng dẫn về hình thức của một bài thuyết trình, các bước chính thiết lập nội dung bài thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn cách chọn lọc thông tin để đưa vào bài thuyết trình, cách thức trình bày trước đám đông. Ngôn ngữ của một bài thuyết trình bằng tiếng Anh và các kỹ thuật về ngôn ngữ cơ thể cũng sẽ được hướng dẫn.

2. Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp

2.1. Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề

2.1.1. Nắm được kỹ năng xác định vấn đề, sự kiện, hiện tượng... cần nghiên cứu;

2.1.2. Thực hiện kỹ năng đưa ra câu hỏi, giả thuyết, nghiên cứu;

2.1.3. Thực hiện kỹ năng khung lý thuyết để nghiên cứu vấn đề;

2.1.4. Nắm được kỹ năng xác định phương pháp cần vận dụng trong nghiên cứu khu vực học, quan hệ quốc tế;

2.1.5. Có đủ kiến thức năng lực để tham gia nghiên cứu, nắm được các kỹ năng cơ bản để xây dựng một đề cương nghiên cứu;

2.1.6. Có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, biết phát hiện vấn đề;

2.1.7. Có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin bằng phương pháp định tính và định lượng.

2.2. Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá kiến thức

2.2.1. Thực hiện thành thạo kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu;

2.2.2. Nắm được các nguyên tắc nghiên cứu, có kỹ năng tìm hiểu thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu; nắm được cách sử dụng các thiết bị kỹ thuật hỗ trợ nghiên cứu;

2.2.3. Nắm vững và thực hiện được phương pháp thu thập và xử lý số liệu, phát hiện vấn đề nghiên cứu;

2.2.4. Nắm được các kỹ năng và kỹ thuật trình bày kết quả nghiên cứu ở nhiều hình thức khác nhau (văn bản, sơ đồ, bảng biểu, trình chiếu...).

2.3. Tư duy một cách có hệ thống

2.3.1. Người học có kỹ năng vận dụng linh hoạt, phù hợp với các khối kiến thức đa dạng và kỹ năng được trang bị trong quá trình học tập và thực tập nghề nghiệp;

2.3.2. Có kỹ năng tổng kết các bài học nghề nghiệp cho bản thân rút ra trong thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với kiến thức đã được trang bị;

2.3.3. Nắm được kỹ năng suy luận và giải thích hợp lý các vấn đề nghiên cứu.

2.3.4. Nắm được kỹ năng xây dựng các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề xã hội Việt Nam cũng như thế giới;

2.3.5. Thực hiện kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu qua báo cáo khoa học dưới dạng bài báo, chuyên khảo...

2.4. Thái độ, cách tư duy và ý thức học tập

2.4.1. Thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

2.4.2. Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có tinh thần đoàn kết quốc tế;

2.4.3. Có ý thức trách nhiệm cao, có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức;

2.4.4. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc;

2.4.5. Có ý thức làm việc độc lập, sáng tạo;

2.4.6. Có tinh thần đoàn kết, hợp tác;

2.4.7. Đạt tiêu chuẩn đạo đức chuyên môn, nghề nghiệp

2.4.8. Quan tâm đến sự phát triển của trường, lớp;

2.4.9. Có tinh thần cầu tiến, có ý thức học tập suốt đời (luôn học tập, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới);

2.4.10. Chấp hành nội quy, quy chế của trường, lớp;

2.4.11. Tự tin, bản lĩnh khẳng định năng lực bản thân.

2.5. Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác

2.5.1. Trung thực, thẳng thắn, tận tụy; có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác trong công việc, khách quan trong nghiên cứu thu thập và phân tích số liệu;

2.5.2. Có tinh thần đoàn kết, tôn trọng mọi người, tôn trọng sự thật, phục vụ cộng đồng tận tình, tôn trọng và bảo vệ lợi ích của tổ chức xã hội;

2.5.3. Sẵn sàng đương đầu với khó khăn, kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;

2.5.4. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập. Có văn hóa ứng xử trong hoạt động nghiên cứu và các hoạt động khác;

2.5.5. Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đấu tranh cho công bằng dân chủ, văn minh của xã hội, giữ gìn quảng bá hình ảnh của cử nhân trong hoạt động chuyên môn;

3. Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1. Làm việc nhóm

3.1.1. Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;

3.1.2. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời; sắp xếp kế hoạch của công việc khoa học và hợp lý; có kỹ năng làm việc dưới áp lực; có kỹ năng phân tích phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi;

3.1.3. Hòa đồng với mọi người và có kỹ năng tạo liên kết giữa các thành viên trong nhóm. Có kỹ năng tổ chức nhóm, lãnh đạo và làm việc theo nhóm trong nghiên cứu, giảng dạy hoặc ứng dụng khoa học công nghệ;

3.1.4. Có kỹ năng phân công, sắp xếp công việc cho các thành viên trong nhóm một cách phù hợp khi nhóm thực hiện trong cùng dự án;

3.1.5. Có kỹ năng tổ chức nhóm, lãnh đạo và làm việc theo nhóm trong nghiên cứu, giảng dạy hoặc ứng dụng khoa học công nghệ;

3.1.6. Có kỹ năng thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh, môi trường làm việc.

3.2. Giao tiếp

3.2.1. Có nghiệp vụ giao tiếp theo chuẩn mực và quy tắc trong công tác đối ngoại.

3.2.2. Có kỹ năng giao tiếp dưới nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, văn bản, email...);

3.2.3. Có kỹ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau;

3.2.4. Có kỹ năng giao tiếp ở các bối cảnh văn hóa - xã hội khác nhau;

3.2.5. Có kỹ năng xây dựng nội dung, ý tưởng, cách lập luận trong giao tiếp trực tiếp, gián tiếp hoặc thông qua các phương tiện truyền thông khác.

3.3. Giao tiếp bằng ngoại ngữ

3.3.1. Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp;

3.3.2. Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) trong học thuật;

3.3.3. Đạt chuẩn IELTS 4.0 hoặc B1 theo Khung châu Âu;

3.3.4. Có thể sử dụng tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học để ứng dụng vào công việc.

4. Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghiệp hoặc Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn mang lại lợi ích cho xã hội

4.1. Bối cảnh xã hội

4.1.1. Nắm được và có khả năng tham gia xây dựng các đề án, tổ chức thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội;

4.1.2. Nắm được và có khả năng tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của các đề án phát triển kinh tế - xã hội;

4.1.3. Có kỹ năng nghiên cứu và đề xuất, kiến nghị nhằm khắc sâu sự hiểu biết, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia và khu vực trên thế giới;

4.1.4. Nắm được kiến thức cơ bản và có khả năng tham gia đào tạo nguồn nhân lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học;

4.1.5. Nắm được kỹ năng nhận thức, phát hiện vấn đề để nắm vững được bản chất những hiện tượng yếu tố trong văn hóa quốc tế, khu vực và những quốc gia tiêu biểu.

4.1.6. Đảm nhận những công việc chuyên môn có sử dụng tiếng Anh của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các doanh nghiệp nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam.

4.2. Bối cảnh doanh nghiệp

4.2.1. Nắm và thực hiện được kỹ năng thiết lập các nhóm nghiên cứu;

4.2.2. Nắm được kỹ năng tổ chức, điều hành và phát triển nhóm;

4.2.3. Sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi nghề nghiệp;

4.2.4. Thực hiện được kỹ năng mở rộng vấn đề nghiên cứu, so sánh điểm tương đồng và dị biệt giữa văn hoá Việt nam với văn hoá các quốc gia, khu vực trên thế giới dưới góc độ liên ngành;

4.2.5. Nắm được kỹ năng giảng dạy các môn chuyên ngành Quốc tế học;

4.2.6. Nắm được kỹ năng trong hoạt động ngoại giao, giao lưu, hội nhập, du lịch, quản trị văn phòng...

4.2.7. Nắm được kỹ năng phỏng vấn, viết báo, biên tập, soạn thảo, phiên dịch...

4.2.8. Nắm vững và thực hiện được kỹ năng nghiên cứu về khu vực học, quan hệ quốc tế;

4.2.9. Có khả năng chuẩn bị để tiếp tục tự đào tạo hoặc tham gia các khóa đào tạo nâng cao sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) trong và ngoài nước, hoặc các khóa đào tạo ngành gần trong lĩnh vực nghiên cứu Quốc tế học;

4.2.10. Sinh viên ngành Quốc tế học sau khi tốt nghiệp có thể nhận công tác ở những cơ quan đối ngoại, tổ chức Nhà nước của Việt Nam, ngoài ra có thể công tác tại các công ty du lịch, các doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài đặt tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ, các quỹ quốc tế tại Việt Nam, các đài truyền hình trung ương và địa phương, các phòng đối ngoại của các cơ quan, cũng như các trường học, viện nghiên cứu...

7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành **Quốc tế học** được thiết kế với khối lượng toàn khóa là **131** tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành **Quốc tế học** và khối lượng tín chỉ được phân bố cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A	Kiến thức giáo dục đại cương	37	23	14
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên	26	12	14
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94	65	29
B1	Kiến thức cơ sở	36	36	0
B2	Kiến thức ngành	36	29	7
B3	Kiến thức bổ trợ	22	0	22
Tổng cộng		131	88	43

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương (37 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		Phần kiến thức bắt buộc/Compulsory courses	23		
	A1	Lý luận chính trị/Political Theory	11		
1	LC1101	Triết học Mác – Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3	3	0
2	LC1102	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin Marxist-Leninist Political Economy	2	2	0
3	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	2	0
4	LC2102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	2	0
5	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh Hochiminh thought	2	2	0
	A2	Giáo dục thể chất/ Physical education	(3)		
6	TC1001	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	(1)	(0)	(1)
7	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông) Physical Education 2 (Badminton)	(1)	(0)	(1)
8	TC1003	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn) Physical Education 2 (Table Tennis)	(1)	(0)	(1)

9	TC1004	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá) Physical Education 2 (Football)	(1)	(0)	(1)
10	TC1005	Giáo dục thể chất 2 (Bóng ném) Physical Education 2 (Handball)	(1)	(0)	(1)
11	TC2003	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	(1)	(0)	(1)
	A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh National Defense and Security Education	(8.5)		
12	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 National Defense and Security Education 1	(3)	(3)	(0)
13	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 National Defense and Security Education 2	(2)	(2)	(0)
14	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 National Defense and Security Education 3	(1.5)	(1)	(0.5)
15	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 National Defense and Security Education 4	(2)	(0)	(2)
	A4	Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên Social Science and Natural Science	12		
16	LH1001	Pháp luật đại cương General Legal Studies	3	3	0
17	MT1003	Môi trường và phát triển Environment and Development	3	3	0
18	LS1101	Lịch sử văn minh thế giới History of the World's Civilizations	3	2	1
19	LS1001	Lịch sử Việt Nam đại cương General History of Vietnam	3	3	0
		Phần kiến thức tự chọn/ Optional courses	14		
		<i>Chọn ít nhất 14 tín chỉ trong danh sách sau</i> <i>Choose at least 14 credits from the list</i>			
20	QT2011	Kinh tế học đại cương General Economics	3	3	0
21	XH2101	Xã hội học đại cương General Sociology	3	3	0
22	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng Office Administration	3	2	1
23	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2	1

		Bases of Vietnamese Culture			
24	SP1001	Tâm lý học đại cương General Psychology	3	3	0
25	LS2002	Nhân học đại cương General Anthropology	3	2	1
26	TN2010	Thống kê xã hội Social Statistics	3	2	1

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (94 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		Phần kiến thức bắt buộc	65		
	B1	Kiến thức cơ sở	36		
1	QH2101	Tiếng Anh Nghe - Nói 1 English Listening – Speaking 1	4	3	1
2	QH2102	Tiếng Anh Đọc - Viết 1 English Reading – Writing 1	4	3	1
3	QH2103	Tiếng Anh Nghe - Nói 2 English Listening – Speaking 2	4	3	1
4	QH2104	Tiếng Anh Đọc - Viết 2 English Reading – Writing 2	4	3	1
5	QH3105	Tiếng Anh Nghe - Nói 3 English Listening – Speaking 3	4	3	1
6	QH3106	Tiếng Anh Đọc - Viết 3 English Reading – Writing 3	4	3	1
7	QH3107	Tiếng Anh chuyên ngành Dịch 1 English Translation 1	3	2	1
8	QH4108	Tiếng Anh chuyên ngành Dịch 2 English Translation 2	3	2	1
9	QH2109	Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học 1 English for International Studies 1	3	2	1
10	QH2110	Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học 2 English for International Studies 2	3	2	1
	B2	Kiến thức ngành/ Discipline related Courses	29		
11	QH1201	Lịch sử quan hệ quốc tế History of International Relations	4	3	1
12	QH1202	Các tổ chức quốc tế	3	2	1

		International Organizations			
13	QH3203	Thế chế chính trị thế giới A World of Politics	3	2	1
14	QH3204	Quan hệ đối ngoại Việt Nam Foreign Relations of Vietnam	4	3	1
15	QH3205	Nghiệp vụ công tác đối ngoại Foreign Affairs Skills	3	3	1
14	QH4206	Kinh tế đối ngoại Việt Nam Foreign Economic Relations of Vietnam	4	3	1
15	QH2301	Nhập môn quan hệ quốc tế Introduction of International Relations	4	3	1
16	QH3501	Thực tập nghề nghiệp Internship	4	0	4
Phần kiến thức tự chọn/ Optional Courses			29		
	B2	Kiến thức ngành / Discipline related courses	07		
<i>Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong danh sách sau</i> <i>Choose at least 7 credits from the list</i>					
17	QH2209	Phương pháp nghiên cứu quốc tế Research Methodology for International Studies	3	2	1
18	QH3208	Báo chí và truyền thông Journalism and Communication	4	3	1
19	QH3211	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới World Socio-Economic Geography	3	2	1
20	QH3210	Quan hệ công chúng (PR) Public Relations	3	2	1
	B3	Kiến thức bổ trợ/ Supplementary courses	22		
<i>Chọn ít nhất 22 tín chỉ trong danh sách sau</i> <i>Choose at least 22 credits from the list</i>					
21	QH4601	Khóa luận tốt nghiệp (tự chọn có điều kiện) Graduation thesis (conditional elective course)	7	0	7
22	QH2302	Những vấn đề toàn cầu Global Issues	3	2	1
23	QH3303	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương International Relations in Asia – Pacific	4	3	1
24	QH3304	Đàm phán quốc tế International Negotiation	3	2	1

25	QT2005	Kinh tế quốc tế International Economics	3	3	0
26	QH4305	Luật kinh tế quốc tế International Economic Law	3	3	0
27	QH4306	Tiếp xúc VH giữa phương Đông và phương Tây East and West Cultural Exchanges	3	2	1
28	QH4307	Nhập môn Hoa Kỳ học Introduction of American Studies	3	2	1
29	QH4308	Liên minh châu Âu European Union	4	3	1
30	QH4309	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á International Relations in Southeast Asia	3	2	1
31	QH4310	Quan hệ Việt Nam - Đông Bắc Á Vietnam – Northeast Asia Relations	3	2	1
32	QH4311	Kỹ năng giao tiếp Communication Skills	4	3	1
33	QH4312	Văn bản hành chính Administrative Documents	3	2	1
34	QH4313	Các tôn giáo trên thế giới Religions in the World	3	2	1
35	QH2214	Logic học đại cương General logics	3	2	1
36	QH4315	Kỹ năng tiếng Anh văn phòng English for office skills	3	2	1
37	QH4316	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh English for presentation skills	3	2	1

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

9.1. Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
Giáo dục đại cương							
Giáo dục chuyên nghiệp							
					Thực tập nghề nghiệp		

							Khoá luận TN
--	--	--	--	--	--	--	---------------------

9.2. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			16			
1	LC1101	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	
2	QH2301	Nhập môn quan hệ quốc tế	4	3	1	
3	TC1001	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	
4	LH1001	Pháp luật đại cương	3	3	0	
5	MT1003	Môi trường và phát triển	3	3	0	
6	QH1202	Các tổ chức quốc tế	3	2	1	
Tổng số			16			

HỌC KỲ 2						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			12			
1	LC1102	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
2	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	(1)	(0)	(1)	
3	TC1003	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn)	(1)	(0)	(1)	
4	TC1004	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá)	(1)	(0)	(1)	
5	TC1005	Giáo dục thể chất 2 (bóng ném)	(1)	(0)	(1)	
6	LS1101	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	1	
7	QH2101	Tiếng Anh Nghe - Nói 1	4	3	1	
8	LS1001	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			06			
9	TN2010	Thống kê xã hội	3	2	1	
10	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2	1	
11	SP1001	Tâm lý học đại cương	3	3	0	
12	LS2002	Nhân học đại cương	3	2	1	
Tổng số			18			

HỌC KỲ 3						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú

Các học phần bắt buộc			16			
	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
1	QH3203	Thế chế chính trị thế giới	3	2	1	
2	TC2003	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	
3	QH2109	Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học 1	3	2	1	
4	QH1201	Lịch sử quan hệ quốc tế	4	3	1	
5	QH2102	Tiếng Anh Đọc - Viết 1	4	3	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			04			
7	XH2101	Xã hội học đại cương	3	3	0	
8	QT2011	Kinh tế học đại cương	3	3	0	
9	QH2214	Logic học đại cương	3	2	1	
10	QH2302	Những vấn đề toàn cầu	3	2	1	
Tổng số			20			

HỌC KỲ 4						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			13			
1	LC2102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
2	QH2103	Tiếng Anh Nghe - Nói 2	4	3	1	
3	QH2104	Tiếng Anh Đọc - Viết 2	4	3	1	
4	QH2110	Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học 2	3	2	1	
5	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	(3)	(3)	(0)	
6	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	(2)	(2)	(0)	
7	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	(1.5)	(1)	(0.5)	
8	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	(2)	(0)	(2)	
Tổng số			13			

HỌC KỲ 5						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			14			
1	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2	QH3105	Tiếng Anh Nghe - Nói 3	4	3	1	
3	QH3106	Tiếng Anh Đọc - Viết 3	4	3	1	

4	QH3204	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	4	3	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			06			
5	QH3208	Báo chí và truyền thông	4	3	1	
6	QH3211	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	2	1	
7	QT2005	Kinh tế quốc tế	3	3	0	
8	QH2209	Phương pháp nghiên cứu quốc tế	3	2	1	
Tổng số			20			

HỌC KỶ 6						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			10			
1	QH3107	Tiếng Anh chuyên ngành Dịch 1	3	2	1	
2	QH3205	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	3	2	1	
3	QH3501	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			09			
4	QH3303	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương	4	3	1	
5	QH3304	Đàm phán quốc tế	3	2	1	
6	QH4307	Nhập môn Hoa Kỳ học	3	2	1	
7	QH3210	Quan hệ công chúng (PR)	3	2	1	
8	QT1002	Quản trị hành chính văn phòng	3	2	1	
Tổng số			19			

HỌC KỶ 7						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			07			
1	QH4108	Tiếng Anh chuyên ngành Dịch 2	3	2	1	
2	QH4206	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	4	3	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			09			
3	QH4305	Luật kinh tế quốc tế	3	3	0	
4	QH4309	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	3	2	1	
5	QH4311	Kỹ năng giao tiếp	4	3	1	
6	QH4312	Văn bản hành chính	3	2	1	
7	QH4313	Các tôn giáo trên thế giới	3	2	1	
Tổng số			16			

HỌC KỲ 8						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</i>			09			
1	QH4601	Khóa luận TN (<i>khoảng 20 % SV</i>)	7	0	7	
2	QH4306	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	3	2	1	
3	QH4308	Liên minh châu Âu	4	3	1	
4	QH4310	Quan hệ Việt Nam - Đông Bắc Á	3	2	1	
5	QH4315	Kỹ năng tiếng Anh văn phòng	3	2	1	
6	QH4316	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	3	2	1	
Tổng số			09			

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và ứng với quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Nội dung chương trình bao gồm hai phần gồm phần kiến thức giáo dục đại cương và phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng cho toàn bộ chương trình không tính phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng là 131 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 88 tín chỉ và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 43 tín chỉ.

Trong phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, phần kiến thức ngành tập trung vào các môn học lý luận nền tảng về ngành Quốc tế học. Ở phần kiến thức bổ trợ là các học phần thực tập nhằm giúp người học hình thành và phát triển các kỹ năng thực hành ngôn ngữ.

Ngoài ra, các học phần tự chọn trong chương trình được bố trí tập trung trong phần kiến thức bổ trợ của phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Ở đây người học có thể tùy chọn các học phần tùy theo định hướng chuyên môn của mình là hướng ngôn ngữ hoặc văn hóa. Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại các trung tâm, công ty liên doanh, các doanh nghiệp... Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

TRƯỞNG KHOA